

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 182/2020/HS-ST

Ngày: 01-7-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tiến Dũng

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 171/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Thị T** - Sinh ngày 03 tháng 7 năm 1985, tại: Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khôi T, phường H, thị xã TH, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở hiện nay: 28/26 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô Chí Th và con bà Cao Thị L. Bị cáo có chồng là Lê Trọng T1 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2003 và con nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột khởi tố bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2020 đến ngày 29/4/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị cáo hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Huỳnh Văn T2. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã NA, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.

2. Chị Phạm Thị Kim K. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã E, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Lê Viết H. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố x, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Anh Nguyễn Hoàng K. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố x, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Anh Nguyễn Thái C. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã Eg, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

6. Bà Nguyễn Thị Minh H. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 61 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 12/3/2020, Huỳnh Văn T2 - sinh năm 1994, trú tại: Thôn N, xã NA, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa cùng với bạn là Nguyễn Hoàng K - sinh năm 2002, trú tại: Tổ dân phố x, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Lê Viết H - sinh năm 1985, trú tại: Tổ dân phố x, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đi nhậu. T2 gọi điện thoại cho Ngô Thị T theo số thuê bao 0347.781.8xx được gắn trên chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus, màu vàng, số Imei: 355730073720925 của T để hỏi mua dâm, thì T đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày sau khi nhậu xong Huỳnh Văn T2, Nguyễn Hoàng K, Lê Viết H đến nhà nghỉ Hoàng Dung, địa chỉ 47 đường N, phường T, thành phố B gặp anh Trần Nguyễn Duy V thuê phòng nghỉ số 103, rồi T2 gọi điện thoại cho Ngô Thị T hẹn đến nhà nghỉ Hoàng Dung. Sau đó, T mang theo 02 bao cao su chưa qua sử dụng bỏ vào trong ví rồi đón xe Taxi đến phòng 103 nhà nghỉ Hoàng Dung. Tại đây, T và T2 thỏa thuận với nhau mua bán dâm qua đêm với giá 4.000.000 đồng, T2 trả cho T trước 3.000.000 đồng, số tiền còn lại sau khi mua bán dâm xong T2 sẽ trả cho T. Lúc này, H và K đặt vấn đề nhờ T gọi thêm 02 gái bán dâm nữa đến để mua bán dâm, rồi thỏa thuận số tiền phải trả cho một lần mua bán dâm là 1.500.000 đồng và mỗi người phải trả thêm cho T 200.000 đồng tiền công gọi người đến bán dâm, thì T đồng ý. H và K đưa cho T 3.400.000 đồng cất vào trong 01 ví da màu đen, không rõ nhãn hiệu, kích thước (10x15)cm. Sau đó, H thuê phòng 203, K thuê phòng 204 nhà nghỉ Hoàng Dung, chờ gái bán dâm. Lúc này, T dùng điện thoại gọi và nhắn tin bằng ứng dụng Zalo cho Phạm Thị Kim K - sinh năm 1990, trú tại: Thôn x, xã E, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk đến phòng 203 nhà nghỉ Hoàng Dung, để bán dâm cho anh H. T thỏa thuận với K giá bán dâm là 1.500.000 đồng/lượt nhưng T giữ lại 400.000 đồng để hưởng lợi, thì K đồng ý đến bán dâm cho H tại phòng 203. Còn T sử dụng 01 bao cao su quan hệ tình dục bán dâm với T2 tại phòng 103. Sau khi quan hệ tình dục với T2 xong, T nói dối với T2 đi ra ngoài có việc và sẽ quay lại nhưng T2 không đồng ý, nên T để lại số tiền 1.000.000 đồng để làm tin thì T2 đồng ý, rồi T đi đến phòng 204 tiếp tục bán dâm cho K. Đến 22 giờ 40 phút cùng ngày, T và K đang quan hệ tình dục tại

phòng 204, K và H đang quan hệ tình dục tại phòng 203, thì bị lực lượng Công an thành phố Buôn Ma Thuột kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Thu giữ tại phòng số 103, 203, 204 mỗi phòng có 01 bao cao su và 01 vỏ bao cao su đã qua sử dụng, số tiền 5.600.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu vàng, số Imei: 355730073720925 gắn sim số 0327781xxx; 01 điện thoại di động Nokia 1030, màu xanh xám, số Imei 355826098178873; 01 ví da màu đen, không rõ nhãn hiệu, kích thước (10x15)cm của Ngô Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu vàng, số Imei 356695086363436; 01 xe Mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE màu đỏ, biển số 47C1-342.xx của Phạm Thị Kim K và số tiền 1.000.000 đồng của Huỳnh Văn T2. (BL: 06 – 78 đến 102)

Tại bản cáo trạng số: 178/CT-VKS ngày 08/6/2020 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố Ngô Thị T về tội “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Ngô Thị T phạm tội “*Môi giới mại dâm*”; Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Thị T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với số tiền 5.400.000 đồng thu giữ của bị cáo T, trong đó: 2.000.000 đồng là tiền Huỳnh Văn T2 mua dâm; 1.500.000 đồng là tiền Nguyễn Hoàng K mua dâm đối với bị cáo T; 1.500.000 đồng là tiền Lê Viết H mua dâm đối với Phạm Thị Kim K; 400.000 đồng là tiền bị cáo T hưởng lợi từ việc môi giới bán dâm của K và H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, số Imei: 355730073720925 gắn sim số 032778181xx; 01 ví da màu đen, không rõ nhãn hiệu, kích thước (10x15)cm là tiền và tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của Huỳnh Văn T2 quá trình điều tra xác định là tiền mua dâm của T2 đưa cho bị cáo T, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu vàng, số Imei 356695086363436, quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại này là của Phạm Thị Kim K sử dụng để liên lạc mua bán dâm với bị cáo T nên trả cho Phạm Thị Kim K, nhưng tiếp tục tạm giữ để phục vụ công tác xét xử.

Đối với 03 bao cao su và 03 vỏ bao cao su, đã qua sử dụng mà các đối tượng sử dụng để quan hệ tình dục mua bán dâm nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe Mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE màu đỏ, biển số 47C1-342.xx. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe này là tài sản chung của vợ chồng Phạm Thị Kim K và anh Nguyễn Thái C mua vào năm 2019, do anh C đứng tên chủ sở hữu. Ngày 12/3/2020 K sử dụng chiếc xe Mô tô trên làm phương tiện đi bán dâm, anh C không biết. Ngày 21/5/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại cho anh C nhận sử dụng là phù hợp.

Đối với số tiền 200.000 đồng và 01 điện thoại di động nokia 1030, màu xanh xám, số Imei 355826098178873 thu giữ của bị cáo T, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả cho bị cáo T, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo: Vào khoảng 22 giờ 40 phút ngày 12/3/2020 tại nhà nghỉ Hoàng Dung - Địa chỉ 47 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk Ngô Thị T đã môi giới cho Phạm Thị Kim K bán dâm cho Lê Viết H thì bị phát hiện bắt quả tang.

Do đó hành vi của bị cáo Ngô Thị T đã phạm vào tội “*Môi giới mại dâm*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Điều 328 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng tới thuần phong mỹ tục, tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh và hủy hoại nhân cách của con người, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, làm lây truyền nhiều bệnh xã hội nguy hiểm. Do vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm chung trong xã hội.

[2.2] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo có mẹ là bà Cao Thị L được tặng Bằng khen có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo đã ly hôn chồng hiện nuôi 2 con nhỏ, là lao động chính trong gia đình. Nên cần xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo. Do vậy khi quyết định hình phạt cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của nhà nước ta.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Ngô Thị T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[2.3] Trong vụ án này đối với bà Nguyễn Thị Minh H - sinh năm 1970, trú tại: 61 đường L, phường T, thành phố B là chủ sở hữu kinh doanh nhà nghỉ Hoàng Dung, địa chỉ 47 đường N, phường T, thành phố B. Bà H không biết hành vi mua bán dâm của bị cáo T và các đối tượng Huỳnh Văn T2, Nguyễn Hoàng K, Lê Viết H và Phạm Thị Kim K tại nhà nghỉ của mình, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà Minh H, là phù hợp.

Đối với anh Trần Nguyễn Duy V là người được bà Minh H thuê quản lý trông coi nhà nghỉ Hoàng Dung nhưng anh V không biết bị cáo T bán dâm cho Huỳnh Văn T, Nguyễn Hoàng K và môi giới Phạm Thị Kim K đến bán dâm cho Lê Viết H, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi bán dâm của Ngô Thị T, Phạm Thị Kim K và hành vi mua dâm của Huỳnh Văn T2, Nguyễn Hoàng K, Lê Viết H Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Ngô Thị T, Phạm Thị Kim K, Huỳnh Văn T2, Nguyễn Hoàng K, Lê Viết H, là phù hợp.

Đối với tài xế lái xe Taxi chở bị cáo T đến nhà nghỉ Hoàng Dung bán dâm và môi giới bán dâm (Hiện không rõ nhân thân lai lịch) nên Cơ quan Cảnh sát điều

tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tách ra khỏi vụ án tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau.

[2.4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với số tiền 5.400.000 đồng thu giữ của bị cáo T, trong đó: 2.000.000 đồng là tiền Huỳnh Văn T2 mua dâm; 1.500.000 đồng là tiền Nguyễn Hoàng K mua dâm đối với bị cáo T; 1.500.000 đồng là tiền Lê Viết H mua dâm đối với Phạm Thị Kim K; 400.000 đồng là tiền bị cáo T hưởng lợi từ việc môi giới bán dâm của K và H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, số Imei: 355730073720925 gắn sim số 0327781813xx; 01 ví da màu đen, không rõ nhãn hiệu, kích thước (10x15)cm là tiền và tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của Huỳnh Văn T2 quá trình điều tra xác định là tiền mua dâm của T2 đưa cho bị cáo T, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu vàng, số Imei 356695086363436 quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại này là của Phạm Thị Kim K sử dụng để liên lạc mua bán dâm với bị cáo T, nên trả cho Phạm Thị Kim K, nhưng tiếp tục tạm giữ để phục vụ công tác xét xử.

Đối với 03 bao cao su và 03 vỏ bao cao su, đã qua sử dụng mà các đối tượng sử dụng để quan hệ tình dục mua bán dâm, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe Mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE màu đỏ, biển số 47C1-342.xx. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe này là tài sản chung của vợ chồng Phạm Thị Kim K và anh Nguyễn Thái C mua vào năm 2019, do anh C đứng tên chủ sở hữu. Ngày 12/3/2020 K sử dụng chiếc xe Mô tô trên làm phương tiện đi bán dâm, anh C không biết. Ngày 21/5/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại cho anh C nhận sử dụng, là phù hợp.

Đối với số tiền 200.000 đồng và 01 điện thoại di động nokia 1030, màu xanh xám, số Imei 355826098178873 thu giữ của bị cáo T quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả cho bị cáo T, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[2.5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ngô Thị T phạm tội “*Môi giới mại dâm*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị T 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Ngô Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Ngô Thị T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*** Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Ngô Thị T số tiền 5.400.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, số Imei: 355730073720925 gắn sim số 032778181301; 01 ví da màu đen, không rõ nhãn hiệu, kích thước (10x15)cm là tiền và tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung công quỹ của Huỳnh Văn T2 số tiền 1.000.000 đồng là tiền mua dâm của T2 đưa cho bị cáo T.

- Trả lại cho Phạm Thị Kim K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu vàng, số Imei 356695086363436.

- Tịch thu tiêu hủy đối với 03 bao cao su và 03 vỏ bao cao su, đã qua sử dụng mà các đối tượng sử dụng để quan hệ tình dục mua bán dâm.

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra trao trả cho anh Nguyễn Thái C 01 xe Mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE màu đỏ, biển số 47C1-342.xx nhận quản lý, sử dụng.

- Trả cho bị cáo Ngô Thị T số tiền 200.000 đồng và 01 điện thoại di động nokia 1030, màu xanh xám, số Imei 355826098178873 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm và số lượng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/6/2020 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột)

*** Về án phí:** Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Ngô Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm ngày) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Phạm Thị Kim Cúc